

Bản án số: 06/2019/DS-ST

Ngày: 12 - 4 - 2019

“V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Trần Thị Ngọc Quyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Thông, Kiểm sát viên .

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự sơ thẩm thụ lý số 69/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc ‘Tranh chấp hợp đồng dịch vụ’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/QĐST-DS ngày 01/3/2019, Thông báo mở lại phiên tòa số 68/2019/TBXX-DS ngày 03/4/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1939

Địa chỉ: 52/8 đường K, phường A, thành phố Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ H.

Địa chỉ: Phòng 310 khu A chung cư V, phường X, thành phố Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Hồng Q, chức vụ: Giám đốc Công ty.

Địa chỉ liên hệ: 38 đường Đ, phường P, thành phố Huế. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Hồ Thị Bích Ph, sinh năm 1951

Địa chỉ: 52/8 đường K, phường A, thành phố Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/4/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ngày 24/3/2016, ông Đ (Bên A) đã ký kết với Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ H (Bên B) do ông Đinh Hồng Q, Giám đốc làm đại diện hợp đồng dịch vụ với nội dung: “Bên A thuê bên B thực hiện các công việc trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất mua trước năm 1993). Các công việc gồm: Soạn thảo văn bản giấy tờ, chuẩn bị tài liệu hồ sơ theo quy định, tổ chức đo đạc, thay mặt bên A làm việc với cơ quan chức năng và các công việc khác theo yêu cầu của bên A để bảo đảm hoàn thành công việc”, “Bên A phải thanh toán cho bên B tiền dịch vụ do thực hiện công việc theo nội dung hợp đồng 25.000.000đ, thời hạn hợp đồng kể từ ngày hợp đồng được ký kết đến lúc hoàn thành công việc”.

Thực hiện theo nội dung hợp đồng, ngày 24/3/2016, phía nguyên đơn đã đưa cho bị đơn 7.500.000đ, ngày 05/4/2017 đưa cho bị đơn 10.000.000đ.

Ngày 06/6/2017, ông Đinh Hồng Q viết giấy cam kết sau ngày 15/9/2017 nếu hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà không đạt kết quả thì ông sẽ hoàn lại 30% số tiền đã thanh toán đã nhận của bên A. Sau ngày 15/9/2017, phía nguyên đơn chưa nhận được nên đã khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ H phải trả lại cho ông Đ, bà Ph số tiền 25.000.000đ. Ngày 16/5/2018, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 17.500.000đ. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả lại cho vợ chồng ông số tiền 7.500.000đ. Tòa án đã ban hành Quyết định số 320/2018/QĐST-DS ngày 16/5/2018 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn-Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ H trình bày: Việc ký kết hợp đồng dịch vụ, giấy cam kết và nhận tiền như phía nguyên đơn trình bày. Đối với số tiền 10 triệu đồng thì bên B đã thực hiện nghĩa vụ thuế cho bên A Thực hiện theo hợp đồng, phía Công ty đã hoàn thành tất cả các thủ tục giấy tờ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ và đã nộp lên cơ quan có thẩm quyền và đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Ngày 16/5/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế có văn bản thông báo cho ông Đ, bà Ph với nội dung việc cấp giấy chậm trễ là do chờ hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường. Việc chậm trễ trên không phải do lỗi từ phía Công ty nên phía Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị Bích Ph đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 31/7/2018, 10/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã có công văn gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế đề nghị cung cấp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ, ngày 26/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã nhận được bản sao toàn bộ hồ sơ trên. Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhưng không thành nên đã đưa vụ án ra xét xử.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tổ tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và tranh luận của đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 15/3/2019, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã mở phiên tòa, tổng đạt hợp lệ cho ông Đinh Hồng Q-Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ H nhưng ông Q vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 12/4/2019, đã tổng đạt hợp lệ cho ông Đinh Hồng Q nhưng ông Q vẫn vắng mặt lần 2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Hợp đồng ký kết ngày 24/3/2016 giữa ông Nguyễn Văn Đ (Bên A) với Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ H (Bên B) do ông Đinh Hồng Q, Giám đốc làm đại diện là hợp đồng dịch vụ được quy định tại Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối tượng của hợp đồng gồm các công việc: Soạn thảo văn bản giấy tờ, chuẩn bị tài liệu hồ sơ theo quy định, tổ chức đo đạc, thay mặt bên A làm việc với cơ quan chức năng và các công việc khác theo yêu cầu của bên A để bảo đảm hoàn thành công việc”, tổng giá trị hợp đồng 25.000.000đ, thời hạn hợp đồng kể từ ngày hợp đồng được ký kết đến lúc hoàn thành công việc”. Bên A đã ứng trước cho bên B 30% giá trị hợp đồng, tương đương 7.500.000đ. Ngày 05/4/2017 đưa cho bị đơn 10.000.000đ. Tổng cộng số tiền bên B nhận 17.500.000đ, tuy nhiên bên A đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bên B trả lại số tiền 7.500.000đ. Ngày 06/6/2017, ông Đinh Hồng Q, người đại diện theo pháp luật của Công ty đã viết giấy cam kết với nội dung sau ngày 15/9/2017 nếu hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà không đạt kết quả thì ông sẽ hoàn lại 30% số tiền đã thanh toán đã nhận của bên A. Giấy cam kết này được xem như là thỏa thuận bổ sung giữa hai bên về các điều khoản của hợp đồng, trong đó quy định rõ thời hạn hoàn thành hợp đồng là ngày 15/9/2017 và điều khoản hoàn lại 30% số tiền đã thanh toán đã nhận của bên A.

Thực hiện hợp đồng, bên B đã tiến hành chuẩn bị tài liệu hồ sơ theo quy định, tổ chức đo đạc, thay mặt bên A làm việc với cơ quan chức năng và các công việc khác theo yêu cầu của bên A và đã hoàn tất các thủ tục, giấy tờ, đã nộp đầy đủ hồ sơ tại Trung tâm hành chính công vào ngày 12/6/2017, Chi cục Thuế thành phố Huế đã ra Thông báo số 458/TB-CCT ngày 30/8/2017 nhưng

đến hết ngày 15/9/2017 thì đối tượng của hợp đồng chưa hoàn thành. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Huế, sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do vướng mắc về xác định nghĩa vụ tài chính nên ngày 15/3/2018 đã có Công văn số 792/UBND-ĐC gửi Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế xin hướng dẫn, ngày 16/5/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế đã có văn bản Thông báo cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Bích Ph về việc chậm trễ giải quyết hồ sơ so với giấy biên nhận. Theo quy định tại Điều 414 Bộ luật Dân sự quy định về việc không thực hiện được nghĩa vụ nhưng không do lỗi của các bên thì trong trường hợp này bên A, bên B đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định trong hợp đồng, việc chậm trễ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do nhà nước có vướng mắc trong việc xác định nghĩa vụ thuế. Phía bên B đã thực hiện chuẩn bị tài liệu hồ sơ theo quy định, tổ chức đo đạc, thay mặt bên A làm việc với cơ quan chức năng và các công việc khác theo yêu cầu của bên A nên Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bên A yêu cầu bên B phải trả lại 7.500.000đ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu $7.500.000đ \times 5\% = 375.000đ$ đồng. Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp 625.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 4827 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, trả lại cho ông Đ 250.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 409, 414, 513, 514, khoản 1 Điều 517; Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ buộc Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ H phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích Ph số tiền 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 375.000đ, ông Nguyễn Văn Đ đã nộp 625.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 4827 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, trả lại cho ông Đ 250.000đ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Tú